**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN C**
**TỈNH L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2018/DS-ST
Ngày: 25.7.2018
V/v tranh chấp: "Đòi nhà, đất cho ở nhờ"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C - TỈNH L**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Trần Thị Yến Trinh**
*Các hội thẩm nhân dân:* 1. Bà **Trần Ánh Hồng**
2. Bà **Nguyễn Thị Tuyết Sương**
***- Thư ký phiên tòa:*** Bà **Phan Thị Hương** – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện C.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Bà **Phan Thị Thơ** – Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 247/2017/TLST – DS ngày 24 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp "Đòi nhà, đất cho ở nhờ" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2018/QĐST - DS ngày 11 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Lương Thị T**, sinh năm: 1940
Địa chỉ: Số 99, ấp 1A, xã LS, huyện C, tỉnh L
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Thị C1 – Văn phòng luật sư Nguyễn Thị C1 – Đoàn luật sư tỉnh L

- *Bị đơn:*
1/ Anh **Nguyễn Thanh P**, sinh năm 1981
2/ Chị **Liễu Thị Mỹ D**, sinh năm 1982

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
1/ Cháu **Nguyễn Tường V**, sinh năm 2007
2/ Cháu **Nguyễn Thùy T**, sinh năm 2012
Người đại diện theo pháp luật của cháu V và cháu T là vợ chồng anh Nguyễn Thanh P, chị Liễu Thị Mỹ D
Cùng địa chỉ: Số 99, ấp 1A, xã LS, huyện C, tỉnh L
*(Nguyên đơn có mặt; bị đơn và người có QL – NV liên quan vắng mặt)*

**NỘI D VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 03 tháng 10 năm 2017 và lời khai tại phiên tòa nguyên đơn bà Lương Thị T trình bày như sau:

Vợ chồng anh Nguyễn Thanh P, chị Liễu Thị Mỹ D có mối quan hệ là cháu ruột và cháu dâu với bà. Do anh P mất cha từ sớm, mẹ không nuôi dưỡng nên đã sống với bà từ nhỏ cho đến khi lấy vợ vào năm 2007. Sau khi cưới vợ chồng anh P, chị D thuê nhà trọ ở đến năm 2011 thì về ở chung với bà trong căn nhà cấp 4 do bà cất trên thửa đất số 1222, tờ bản đồ số 02, diện tích đo đạc thực tế 849,1m$^2$, loại đất ONT do bà đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 522723 cấp ngày 12/8/1997.

Trong quá trình chung sống, anh P đi làm ăn xa còn chị D ở nhà với bà. Từ năm 2015 thì giữa bà nội chồng và cháu dâu xảy ra nhiều mâu thuẫn, chị D nhiều lần hỗn hào, chưởi mắng bà nên từ năm 2017 bà đã đến nhà anh ruột của anh P là anh Nguyễn Văn T để ở, chỉ về nhà vào ban ngày để thắp nhang tổ tiên và cho gà, vịt ăn.

Nay để đảm bảo cho cuộc sống và tinh thần của bà được ổn định bà yêu cầu Tòa án buộc gia đình anh P, chị D gồm có anh Nguyễn Thanh P, chị Liễu Thị Mỹ D và 02 con của anh P, chị D là cháu Nguyễn Tường V và cháu Nguyễn Thùy T dọn ra khỏi nhà trả lại cho bà quyền sử dụng đất thửa đất số 1222, tờ bản đồ số 02, diện tích đo đạc thực tế 849,1 m$^2$, loại đất ONT do bà đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Mảnh trích đo địa chính số 01LS – 2018 của Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C duyệt ngày 15/01/2018 và căn nhà cấp 4 có hàng rào bao quanh cất trên đất có kết cấu:

- Nhà chính: Có diện tích 40,7 m$^2$; kết cấu móng, cột, đà bêtông cốt thép; kèo bêtông cốt thép và gỗ; nền lát gạch bông 30x30 cm; tường xây gạch tô một phần; mái lợp ngói; cửa đi chính bằng gỗ; cửa sổ bằng gỗ khung sắt.

- Nhà sau: Có diện tích 36,45 m$^2$; kết cấu móng, cột, đà bêtông cốt thép; kèo bêtông cốt thép và gỗ; nền láng ximăng; tường xây gạch bên trong chưa tô, bên ngoài đã tô; mái tấm fibro; cửa đi chính bằng gỗ; cửa sổ bằng gỗ khung sắt.

- Nhà bên hông: Có diện tích 56,95 m$^2$; kết cấu móng, cột, đà bêtông cốt thép; kèo bêtông cốt thép và gỗ; nền láng ximăng; thềm ba lót gạch bông; tường xây gạch chưa tô; mái tấm fibro.

Bà đồng ý cho gia đình anh P, chị D lưu cư trong thời gian 03 tháng. Đối với hàng rào vợ chồng anh P, chị D đã xây dựng bà sẽ trả lại giá trị theo giá mà Công ty cổ phần thẩm định giá miền Nam đã định là 36.481.840 đồng và trả lại giá trị phần tô trát bức tường nhà số tiền là 963.900 đồng. Tổng cộng số tiền bà bồi hoàn là 37.445.740 đồng.

Tại các bản tường trình nộp cho Tòa án, vợ chồng anh Nguyễn Thanh P, chị Liễu Thị Mỹ D trình bày như sau: Bà Lương Thị T là bà nội của anh P. Do cha anh P mất sớm nên anh P đã sống với bà nội từ nhỏ đến khi lấy vợ. Đến năm 2007 sau khi anh P và chị D cưới nhau thì hai vợ chồng thuê nhà trọ ở cho đến năm 2011 mới quay về chung sống với bà T. Tuy trong cuộc sống có xảy ra nhiều mâu thuẫn giữa bà nội chồng với cháu dâu nhưng vợ chồng anh, chị chưa bao giờ hỗn hào, chưởi mắng bà hay đập phá đồ đạc của bà. Nay bà T khởi kiện yêu cầu gia đình anh, chị dọn ra khỏi nhà trả lại cho bà T nhà, đất tại thửa 1222, tờ bản đồ số 2, diện tích thực tế 849,1 m$^2$, loại đất ONT do bà T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất thì anh, chị không đồng ý vì hiện nay anh, chị không có chỗ ở hơn nữa hoàn cảnh bà đơn chiếc cần có người ở chung để chăm sóc và lo cúng giỗ tổ tiên.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Tng báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vợ chồng anh P, chị D không đến tham gia hòa giải.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn luật sư Nguyễn Thị C1 trình bày: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án nhận thấy giữa bà Lương Thị T với vợ chồng anh Nguyễn Thanh P, chị Liễu Thị Mỹ D có quan hệ là bà cháu ruột. Anh P từ nhỏ đã được bà T nuôi dưỡng đến khi lớn lên được bà T cưới vợ thì vợ chồng anh P ra thuê nhà trọ ở từ năm 2007 đến năm 2011 thì về xin ở chung với bà T để con anh P có hộ khẩu để đi học. Trong thời gian chung sống từ năm 2011 đến năm 2014 bà cháu chung sống vui vẻ. Đến năm 2015 chị D nghe lời người ngoài dèm pha nên về chưởi mắng bà T và đập phá đồ đạc của bà T nhiều lần từ đó hai bên phát sinh mâu thuẫn. Do không chịu nổi việc chưởi mắng, đập phá của vợ chồng anh P, chị D nên từ năm 2017 bà T đã đến nhà anh của anh P là anh Nguyễn Văn T để ở và chỉ đi đi về về căn nhà của bà để chăn nuôi gà vịt, thắp nhang tổ tiên vào ban ngày.

Theo quy định tại các Điều 104, 106 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì con cháu phải có nghĩa vụ kính trọng ông bà mà vợ chồng anh P, chị D không thực hiện. Hơn nữa thửa đất số 1222, tờ bản đồ số 02, diện tích đo đạc thực tế 849,1 $m^2$, loại đất ONT hiện bà T đang đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và nhà cũng là do bà T cất nên bà T yêu cầu gia đình anh P, chị D phải dọn ra khỏi nhà để trả lại nhà, đất cho bà T là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Mặt khác bà T cũng đã có cho anh P 2.321 $m^2$ đất lúa thuộc thửa 663, tờ bản đồ số 02, đã làm thủ tục chuyển nhượng và hiện vợ chồng anh P, chị D đang cho người khác thuê để làm ruộng nên có đủ điều kiện để ra sống riêng.

Đối với tường rào vợ chồng anh P, chị D đã xây dựng và tô trát bức tường nhà có tổng giá trị theo chứng thư thẩm định giá của Công ty cổ phần Tng tin và thẩm định giá Miền Nam là 37.445.740 đồng thì bà T sẽ hoàn trả số tiền này lại cho vợ chồng anh P, chị D.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu quan điểm:

* Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn bà Lương Thị T đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng đồng thời chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Bị đơn và đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vợ chồng anh Nguyễn Thanh P, chị Liễu Thị Mỹ D đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng nhưng không đến tham gia phiên tòa nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt vợ chồng anh P, chị D là đúng quy định của pháp luật.

* Về nội D: Thửa đất số 1222, tờ bản đồ số 02, diện tích đo đạc thực tế 849,1 $m^2$, loại đất ONT, tọa lạc tại ấp 1A, xã LS, huyện C, tỉnh L Ủy ban nhân dân huyện C đã cấp cho bà T đứng tên chủ quyền sử dụng đất vào ngày 12/8/1997. Trên thửa đất có căn nhà cấp 4, mái lợp ngói, vách tường do bà T xây dựng từ năm 1989. Anh Nguyễn Thanh P là cháu nội của bà T, từ nhỏ đã được bà T nuôi dưỡng nhưng sau khi cưới vợ thì đã ra thuê nhà trọ sống riêng đến năm 2011 mới quay về

xin bà T cho chung sống. Trong quá trình chung sống giữa vợ chồng anh P, chị D với bà T đã xảy ra nhiều mâu thuẫn nên bà T khởi kiện yêu cầu gia đình anh P, chị D ra khỏi nhà trả lại nhà và quyền sử dụng đất thửa 1222, tờ bản đồ số 02 cho bà T. Xét thấy căn nhà và quyền sử dụng đất là của bà T nên áp dụng các Điều 166, 579 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì việc bà T đòi lại nhà, đất cho ở nhờ là có căn cứ pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tuy nhiên do vợ chồng anh P, chị D hiện nay chưa có chỗ ở do đó cần cho vợ chồng anh P lưu cư trong thời gian 06 tháng tính từ ngày 25/7/2018 đến ngày 25/01/2019.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà T về việc hoàn trả lại cho vợ chồng anh P, chị D giá trị hàng rào và tô trát bức tường nhà tổng cộng số tiền là 37.445.740 đồng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho vợ chồng anh Nguyễn Thanh P, chị Liễu Thị Mỹ D nhưng anh P, chị D không đến tham gia phiên tòa mà không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt vợ chồng anh P, chị D.

* Về nội dung:

[1] Tranh chấp giữa bà Lương Thị T với vợ chồng anh Nguyễn Thanh P, chị Liễu Thị Mỹ D là quan hệ pháp luật "Đòi nhà, đất cho ở nhờ" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Tại phiên tòa bà T yêu cầu gia đình anh P, chị D dọn ra khỏi nhà trả lại cho bà quyền sử dụng đất thửa số 1222, tờ bản đồ số 02, diện tích đo đạc thực tế 849,1 $m^2$, loại đất ONT do bà đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Mảnh trích đo địa chính số 01LS – 2018 của Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C duyệt ngày 15/01/2018 và căn nhà cấp 4 có hàng rào bao quanh cất trên đất có kết cấu:

- Nhà chính: Có diện tích 40,7 $m^2$; kết cấu móng, cột, đà bêtông cốt thép; kèo bêtông cốt thép và gỗ; nền lát gạch bông 30x30 cm; tường xây gạch tô một phần; mái lợp ngói; cửa đi chính bằng gỗ; cửa sổ bằng gỗ khung sắt.

- Nhà sau: Có diện tích 36,45 $m^2$; kết cấu móng, cột, đà bêtông cốt thép; kèo bêtông cốt thép và gỗ; nền láng ximăng; tường xây gạch bên trong chưa tô, bên ngoài đã tô; mái tấm fibro; cửa đi chính bằng gỗ; cửa sổ bằng gỗ khung sắt.

- Nhà bên hông: Có diện tích 56,95 $m^2$; kết cấu móng, cột, đà bêtông cốt thép; kèo bêtông cốt thép và gỗ; nền láng ximăng; thềm ba lót gạch bông; tường xây gạch chưa tô; mái tấm fibro.

Bà sẽ bồi hoàn cho anh P, chị D giá trị hàng rào đã xây dựng và phần tô trát bức tường nhà tổng số tiền là 37.445.740 đồng. Bà đồng ý cho gia đình anh P, chị D được lưu cư trong thời gian 03 tháng.

Tại các bản tường trình của vợ chồng anh Nguyễn Thanh P, chị Liễu Thị Ngọc D đã nộp cho Tòa án thì anh P, chị D cũng xác nhận giữa bà T với chị D có

xảy ra nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống nhưng không đồng ý dọn ra khỏi nhà trả lại nhà, đất cho bà T với lý do hiện nay bà T tuổi đã cao cần có người ở chung để chăm sóc.

Xét thấy thửa đất số 1222, tờ bản đồ số 02, diện tích thực tế 849,1 $m^2$, loại đất ONT hiện nay bà T đang đứng tên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 552723 ngày 12/8/1997 và vợ chồng anh P, chị D cũng thừa nhận tại các bảng tường trình là hiện gia đình anh, chị đang sinh sống trong căn nhà cấp 4 cất trên thửa đất số 1222, tờ bản đồ số 02 của bà T. Và chị D cũng thừa nhận trong cuộc sống chung giữa chị D và bà T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Hơn nữa anh P, chị D đã được bà T cho đất thuộc thửa 663, tờ bản đồ số 02, diện tích 2.321 $m^2$, loại đất lúa hiện đang cho người khác thuê nên cũng có điều kiện để sống riêng. Và hiện tại bà T đã không thể sống cùng nhà với vợ chồng anh P, chị D mà phải đến ở nhờ nhà của người cháu khác là anh Nguyễn Văn T. Mặt khác bà T hiện nay tuổi đã cao cần phải được ổn định đời sống vật chất cũng như tinh thần. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T buộc vợ chồng anh Nguyễn Thanh P, chị Liễu Thị Mỹ D và 02 con của anh P, chị D là cháu Nguyễn Tường V và cháu Nguyễn Thùy T phải dọn ra khỏi nhà để trả lại cho bà T thửa đất số 1222, tờ bản đồ số 02, diện tích thực tế 849,1 $m^2$, loại đất ONT do bà đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Mảnh trích đo địa chính số 01LS – 2018 của Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C duyệt ngày 15/01/2018 và căn nhà cấp 4 có hàng rào bao quanh cất trên đất có kết cấu:

- Nhà chính: Có diện tích 40,7 $m^2$; kết cấu móng, cột, đà bêtông cốt thép; kèo bêtông cốt thép và gỗ; nền lát gạch bông 30x30 cm; tường xây gạch tô một phần; mái lợp ngói; cửa đi chính bằng gỗ; cửa sổ bằng gỗ khung sắt.

- Nhà sau: Có diện tích 36,45 $m^2$; kết cấu móng, cột, đà bêtông cốt thép; kèo bêtông cốt thép và gỗ; nền láng ximăng; tường xây gạch bên trong chưa tô, bên ngoài đã tô; mái tấm fibro; cửa đi chính bằng gỗ; cửa sổ bằng gỗ khung sắt.

- Nhà bên hông: Có diện tích 56,95 $m^2$; kết cấu móng, cột, đà bêtông cốt thép; kèo bêtông cốt thép và gỗ; nền láng ximăng; thềm ba lót gạch bông; tường xây gạch chưa tô; mái tấm fibro.

[3] Về thời gian lưu cư: Bà T cho gia đình anh P, chị D được lưu cư trong thời gian 03 tháng tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy hiện tại vợ chồng anh P, chị D cần phải có thời gian để sắp xếp nơi ở mới và di chuyển đồ đạc nên cho gia đình anh P, chị D được lưu cư trong thời gian 06 tháng tính từ ngày 25/7/2018 đến ngày 25/01/2019.

[4] Đối với hàng rào vợ chồng anh P, chị D đã xây dựng có giá trị theo Chứng thư thẩm định giá của Công ty cổ phần thẩm định giá miền Nam là 36.481.840 đồng và phần tô trát bức tường nhà số tiền là 963.900 đồng bà T tự nguyện hoàn trả lại cho vợ chồng anh P, chị D tổng cộng số tiền 37.445.740 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Như vậy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C là có căn cứ.

[5] Về chi phí tố tụng: Chi phí đo đạc, định giá số tiền là 6.500.000 đồng vợ chồng anh P, chị D phải chịu. Bà T đã nộp tạm ứng nên anh P, chị D có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà T số tiền 6.500.000 đồng.

[6] Về án phí: Vợ chồng anh Nguyễn Thanh P, chị Liễu Thị Mỹ D và bà Lương Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Nhưng xét thấy bà T Là người cao tuổi và là vợ của liệt sĩ nên áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn án phí cho bà T.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 147; Điều 165; Điều 166; khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 166; Điều 579 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị T đối với vợ chồng anh Nguyễn Thanh P, chị Liễu Thị Mỹ D về việc đòi nhà, đất cho ở nhờ.

Buộc vợ chồng anh Nguyễn Thanh P, chị Liễu Thị Mỹ D và 02 con của anh P, chị D là cháu Nguyễn Tường V, cháu Nguyễn Thùy T dọn ra khỏi nhà để trả lại cho bà Lương Thị T quyền sử dụng đất thửa đất số 1222, tờ bản đồ số 2, diện tích đo đạc thực tế 849,1 $m^2$, loại đất ONT do bà T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Mảnh trích đo địa chính số 01LS – 2018 của Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C duyệt ngày 15/01/2018 và căn nhà cấp 4 có hàng rào bao quanh cất trên đất có kết cấu:

- Nhà chính: Có diện tích 40,7 $m^2$; kết cấu móng, cột, đà bêtông cốt thép; kèo bêtông cốt thép và gỗ; nền lát gạch bông 30x30 cm; tường xây gạch tô một phần; mái lợp ngói; cửa đi chính bằng gỗ; cửa sổ bằng gỗ khung sắt.

- Nhà sau: Có diện tích 36,45 $m^2$; kết cấu móng, cột, đà bêtông cốt thép; kèo bêtông cốt thép và gỗ; nền láng ximăng; tường xây gạch bên trong chưa tô, bên ngoài đã tô; mái tấm fibro; cửa đi chính bằng gỗ; cửa sổ bằng gỗ khung sắt.

- Nhà bên hông: Có diện tích 56,95 $m^2$; kết cấu móng, cột, đà bêtông cốt thép; kèo bêtông cốt thép và gỗ; nền láng ximăng; thềm ba lót gạch bông; tường xây gạch chưa tô; mái tấm fibro.

Gia đình anh P, chị D được lưu cư trong thời gian 06 tháng tính từ ngày 25/7/2018 đến ngày 25/01/2019.

Bà Lương Thị T phải hoàn trả cho vợ chồng anh Nguyễn Thanh P, chị Liễu Thị Mỹ D giá trị tường rào và phần tô trát bức tường nhà số tiền là 37.445.740 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của vợ chồng anh P, chị D cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bà T phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

Về chi phí tố tụng: Vợ chồng anh Nguyễn Thanh P, chị Liễu Thị Mỹ D có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Lương Thị T số tiền 6.500.000 đồng chi phí đo đạc, định giá.

Về án phí: Vợ chồng anh Nguyễn Thanh P, chị Liễu Thị Mỹ D phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lương Thị T được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho bà T 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0000408 ngày 19/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định đực thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người đực thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh L;
- VKSND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**TRẦN THỊ YẾN TRINH**